

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST

Ngày: 17 -4-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Truyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tiên Dũng và bà Nguyễn Văn Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thái Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn VB, xã MP, huyện PM, tỉnh BD.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Đồng trú: Khu phố DLĐ, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2023, các biên bản làm việc tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước vào ngày 16/01/2021 vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Thanh L mượn bà Nguyễn Thị T số tiền 211.600.000 đồng để mua xe làm công trình. Vợ chồng ông M, bà L viết giấy mượn tiền có xác định thời gian trả nợ từ ngày 16/01/2021 đến ngày 26/01/2021 và không xác định về lãi suất. Trong giấy mượn tiền mà bà T cung cấp cho Tòa án, chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền là của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L. Từ đó đến nay bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông M, bà L trả nợ nhưng vợ chồng ông M, bà L cố tình trốn tránh không trả.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông M, bà L phải trả lại cho bà T số tiền là 211.600.000 đồng.

* Ý kiến trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L: Ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L là bị đơn trong vụ án; được Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án, nhưng ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về việc Tòa án thụ lý vụ án gửi đến Tòa án; cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hoà giải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quan điểm về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí của Tòa án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 211.600.000 đồng. Về lãi suất tại phiên tòa bà Tân không yêu cầu nên không xét. Về án phí: Ông M, bà L phải chịu theo quy định của luật. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa. Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên xác định đây là tranh chấp về Dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Người bị kiện có nơi cư trú tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Do có mối quan hệ từ trước nên ngày 16/01/2021 bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L mượn số tiền 211.600.000 để mua xe làm công trình. Khi mượn tiền vợ chồng ông M, bà L viết giấy mượn tiền có xác định thời gian trả nợ từ ngày 16/01/2021 đến ngày 26/01/2021 và không có lãi suất. Bà T xác định chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền đều của vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Thanh L. Hiện nay vợ chồng ông M, bà L còn nợ bà T số tiền 211.600.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông M, bà L trả nợ nhưng vợ chồng ông M, bà L cố tình trốn tránh không trả. Tại phiên toà hôm nay bà T yêu cầu vợ chồng ông M, bà L trả khoản nợ gốc 211.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông M, bà L không có ý kiến gì về việc Toà án đã thụ lý vụ án và tại phiên toà vợ chồng ông M, bà L đều vắng mặt, điều này cho thấy vợ chồng ông M, bà L từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự, nên vợ chồng ông M, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thoả thuận giữa các bên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hiện nay ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 211.600.000 đồng. Do đó, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 211.600.000 đồng là có cơ sở và đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình 2015.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của toà án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Thanh L liên đới trả cho bà T số tiền 211.600.000 (*hai trăm mười một triệu sáu trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền đã tuyên ở trên thì phải chịu tiền lãi hàng tháng tương ứng với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Thanh L phải nộp 10.580.000 (*mười triệu năm trăm tám mươi nghìn*) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T 5.290.000 (*năm triệu hai trăm chín mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0003858 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Truyền